

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục

hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quyết định số 1312/QĐ-BNN-QLCL ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 37 thủ tục hành chính trong các lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn (02 thủ tục), bảo vệ thực vật (02 thủ tục), lâm nghiệp (11 thủ tục), thủy sản (18 thủ tục) và quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (04 thủ tục) và thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (*có danh mục kèm theo*);

Nội dung chi tiết của các thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10 tháng 12 năm 2018; Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018; Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31 tháng 01 năm 2019; Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28 tháng 02 năm 2019; Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06 tháng 3 năm 2019; Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08 tháng 3 năm 2019; Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05 tháng 4 năm 2019;

Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thay thế:

Quyết định số 1762/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang (*07 thủ tục cấp xã*);

Thủ tục hành chính số 1 đến 2 tại Phần I, Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*02 thủ tục cấp tỉnh*);

Thủ tục hành chính số 1 đến 4 tại Mục I, Phần A, Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*04 thủ tục cấp tỉnh*);

Thủ tục hành chính tại Phần A, Quyết định số 2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*04 thủ tục cấp tỉnh*);



Thủ tục hành chính số 02 đến 07 tại Quyết định số 4084/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (06 thủ tục cấp huyện);

Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (01 thủ tục cấp xã);

Các thủ tục hành chính số 05 đến 8 tại Mục I, Phần I và nội dung các thủ tục hành chính số 5 đến 8 tại Mục I, Phần II tại Quyết định số 841/QĐ-UBND ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (04 thủ tục hành chính cấp tỉnh);

Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung (01 thủ tục cấp xã);

Lĩnh vực chăn nuôi, thủ tục số 3 của Mục I và lĩnh vực diêm nghiệp tại Quyết định số 840/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (04 thủ tục cấp tỉnh);

Các thủ tục số 04 và 05 tại Mục I, Phần A; các thủ tục số 01 đến 26 tại Mục II, Phần A; các thủ tục số 1, 2, 3, 15, 18, 19, 20, 22 và 23 Mục III, Phần A của Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (37 thủ tục cấp tỉnh);

Thủ tục số 7 tại mục II, Phần A (lĩnh vực Thủy sản) của Quyết định số 561/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tiền Giang (01 thủ tục cấp tỉnh).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Th*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- VP: CVP, PVP Hùng, P. KSTTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, Hiếu, Uyên\_CSDL. *km*

KT. CHỦ TỊCH *Thuy*  
PHÓ CHỦ TỊCH  
  
*Le Văn Nghĩa*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. CẤP TỈNH**

**I. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 492/QĐ-BNN-KTHT ngày 31/01/2019*

**1. Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu - BNN-TGG-288421**

**a) Thời hạn giải quyết:** 01 ngày làm việc.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

**2. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu - BNN-TGG-288422**

**a) Thời hạn giải quyết:**

- Đối với phương thức kiểm tra chặt: Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;

- Đối với phương thức kiểm tra thông thường: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

- Thông tư số 39/2018/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm muối nhập khẩu.

## **II. LĨNH VỰC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019*

### **1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - BNN-TGG-287823**

**a) Thời hạn giải quyết**

- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 800.000 đồng/lần (Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật của Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016).

#### **d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

### **2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - BNN-TGG-287824**

#### **a) Thời hạn giải quyết**

- 21 ngày làm việc không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
- 07 ngày làm không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đối với cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản.
- 84 ngày làm việc khi nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở có điều kiện không đạt hoặc kết quả kiểm tra lại không kể thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

#### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

#### **c) Phí, lệ phí:**

- Phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: 800.000 đồng/lần (Mục I, Biểu phí trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật của Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016).

#### **d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;
- Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư kinh doanh về bảo vệ thực vật và kiểm dịch thực vật; giống cây trồng; nuôi động vật rừng thông thường; chăn nuôi; thủy sản; thực phẩm;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý thuốc bảo vệ thực vật;
- Thông tư số 231/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực bảo vệ thực vật.

### **III. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP**

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018*

#### **1. Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý - BNN-TGG-288438**

##### **a) Thời hạn giải quyết: 50 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan;
- Trong thời hạn 20 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thành tổ chức thẩm định hồ sơ đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;
- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

##### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

##### **c) Phí, lệ phí: Không**

##### **d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

**2. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý - BNN-TGG-288439**

**a) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm xem xét; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí: Không**

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

**3. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh - BNN-TGG-288440**

**a) Thời hạn giải quyết: 45 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi hồ sơ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

- Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);



- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

**c) Phí, lệ phí:** Không

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

#### **4. Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh - BNN-TGG-288441**

**a) Thời hạn giải quyết:** 40 ngày làm việc

- Trước ngày 31 ngày 12 hằng năm, tổ chức, hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư có nhu cầu hỗ trợ gửi văn bản đề nghị hỗ trợ, kèm theo văn kiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án đến Ban điều hành Quỹ;

- Trước ngày 25 tháng 02 hằng năm, Ban điều hành Quỹ chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thẩm định, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ thông qua, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 (motcua.tiengiang.gov.vn).

**c) Phí, lệ phí:** Không

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

#### **5. Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập - BNN-TGG-288442**

**a) Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét;

- Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc sau khi có quyết định chủ trương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí: Không**

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

**6. Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) - BNN-TGG-288443**

**a) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quyết định thành lập Đoàn kiểm tra xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có quyết định thành lập, Đoàn kiểm tra tổ chức xác minh tại hiện trường và lập biên bản xác minh;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi kết thúc kiểm tra, Đoàn kiểm tra hoàn thành báo cáo, gửi Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định miễn, giảm và trả kết quả cho bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí: Không**

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.

## **7. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức - BNN-TGG-288444**

### **a) Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, lấy ý kiến các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương về nội dung phương án.

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững đạt yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án.

Trường hợp nội dung phương án quản lý rừng bền vững chưa đạt yêu cầu, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ rừng biết để bổ sung, hoàn thiện phương án trong thời hạn 05 ngày làm việc trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững và trả kết quả cho chủ rừng. Trường hợp không phê duyệt phương án phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

### **c) Phí, lệ phí: Không**

### **d) Căn cứ pháp lý**

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phương án quản lý rừng bền vững.

## **8. Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp - BNN-TGG-288445**

### **a) Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành lập Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định hồ sơ, thực hiện kiểm tra hiện trường và lập báo cáo thẩm định.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định công nhận nguồn giống theo Mẫu số 06 Phụ lục II và Mục B Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không công nhận và nêu rõ lý do.

### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

### **c) Phí, lệ phí:**

Công nhận lâm phần tuyển chọn là 600.000 đồng/01 giống; công nhận vườn giống là 2.400.000 đồng/01 vườn giống; công nhận nguồn gốc lô giống, lô con giống là 600.000 đồng/01 lô giống (theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

### **d) Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống, nguồn giống và quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp;

- Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

## **9. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên - BNN-TGG-288446**

### **a) Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định hồ sơ.

Hội đồng thẩm định gồm đại diện: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi khai thác. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mời thêm các tổ chức, cá nhân khác. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là Chủ tịch Hội đồng;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác và lập biên bản thẩm định phương án khai thác;

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt phương án khai thác khi có tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý, gửi kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do.

### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không

**d) Căn cứ pháp lý**

Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

#### **10. Xác nhận bảng kê lâm sản - BNN-TGG-288447**

**a) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận bảng kê lâm sản hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do;

- Trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo cho chủ lâm sản.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày thông báo, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản; trường hợp phức tạp, việc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản được thực hiện không quá 05 ngày làm việc.

Kết thúc xác minh, kiểm tra nguồn gốc lâm sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập biên bản kiểm tra lâm sản theo Mẫu số 05 kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc xác minh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận bảng kê lâm sản và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không xác nhận và nêu rõ lý do.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không

**d) Căn cứ pháp lý**

Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 818/QĐ-BNN-TCLN ngày 08/3/2019*

**11. Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật , thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III của CITES - BNN-TGG-288458**

**a) Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 30 ngày.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không

**d) Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

#### **IV. LĨNH VỰC THỦY SẢN**

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019*

**1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) BNN-TGG-288472**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;

- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 ngày.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

c) **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

d) **Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

## **2. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên) - BNN-TGG-288473**

a) **Thời hạn giải quyết**

- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc;

- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:

+ Công khai phương án: 03 ngày làm việc;

+ Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.

b) **Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Buu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

c) **Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

d) **Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

## **3. Công bố mở cảng cá loại 2 - BNN-TGG-288482**

a) **Thời hạn giải quyết**

- Cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá: 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Thông báo Quyết định công bố mở cảng cá trên các phương tiện thông tin đại chúng: 02 ngày kể từ ngày được ban hành.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**4. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ) - BNN-TGG-288474**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp mới;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp lại.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**5. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài) - BNN-TGG-288475**

**a) Thời hạn giải quyết**



- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp mới;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp lại.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Mức thu phí 5.700.000 đồng/lần (có hoạt động sản xuất).

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư số 284/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực quản lý chất lượng vật tư nuôi trồng thủy sản.

**6. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu) - BNN-TGG-288476**

**a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**7. Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực - BNN-TGG-288477**

**a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**8. Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý) - BNN-TGG-288478**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp mới;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp lại.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**9. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng - BNN-TGG-288479**

**a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**10. Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên - BNN-TGG-288480**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với xác nhận nguồn gốc;

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với xác nhận mẫu vật.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**11. Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá - BNN-TGG-288481**

**a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

**12. Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản - BNN-TGG-288483**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp mới;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định đối với cấp lại.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí**

- Lệ phí cấp mới 40.000đồng/lần;

- Lệ phí cấp lại 20.000 đồng/lần.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

### **13. Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển - BNN-TGG-288484**

#### **a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

#### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

#### **c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

#### **d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

### **14. Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá -BNN-TGG-288485**

#### **a) Thời hạn giải quyết**

Trong thời hạn 19 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

#### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

#### **c) Phí, lệ phí:** Chưa có văn bản quy định.

#### **d) Căn cứ pháp lý**

- Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản;

- Nghị định số 17/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

**15. Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu) -BNN-TGG-288405**

**a) Thời hạn giải quyết**

02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** 150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn).(Tối đa 700.000 đồng/lần).

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

- Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

## **B. CẤP TỈNH, HUYỆN**

### **LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 751/QĐ-BNN-QLCL ngày 06/3/2019*

#### **1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản - BNN-TGG-288021**

**a) Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

##### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp (trừ các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

##### **c) Phí, lệ phí**

- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở;

- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.

##### **d) Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

**2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn) - BNN-TGG-288022**

a) **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp (trừ các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí**

- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở;

- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.



**3. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận ATTP vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm) -BNN-TGG-288023**

a) **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

b) **Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp (trừ các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

c) **Phí, lệ phí**

- Thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở;

- Thẩm định đánh giá định kỳ điều kiện an toàn thực phẩm: 350.000 đồng/cơ sở.

d) **Căn cứ pháp lý**

- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

#### **4. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản -BNN-TGG-288020**

**a) Thời hạn giải quyết:** Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày tham gia đánh giá (ngày kiểm tra) kiến thức về an toàn thực phẩm.

##### **b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Khu phố Trung Lương, Phường 10, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang) hoặc gửi qua email: [snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn](mailto:snnptnt.motcua@tiengiang.gov.vn) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp; các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp;

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản có hoặc không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp (trừ các Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý);

- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 4 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** 30.000 đồng/lần/người.

##### **d) Căn cứ pháp lý**

- Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 09/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

## C. CẤP HUYỆN

### LĨNH VỰC THỦY SẢN

*Thủ tục hành chính theo Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019*

#### 1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) - BNN-TGG-288486

##### a) Thời hạn giải quyết

- Công khai phương án: 03 ngày làm việc;
- Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.

##### b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

##### c) Phí, lệ phí: Không.

##### d) Căn cứ pháp lý

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

#### 2. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) - BNN-TGG-288487

##### a) Thời hạn giải quyết

- Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ;
- Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản:
  - + Công khai phương án: 03 ngày làm việc;
  - + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 ngày.

##### b) Địa điểm thực hiện

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.

### **3. Công bố mở cảng cá loại 3 - BNN-TGG-288488**

**a) Thời hạn giải quyết**

- Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét hồ sơ, tổ chức khảo sát thực tế tại cảng cá, quyết định công bố mở cảng cá;

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày Quyết định công bố mở cảng cá được ban hành, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.

**b) Địa điểm thực hiện**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích;
- Thủ tục hành chính dịch vụ công trực tuyến mức 3 ([motcua.tiengiang.gov.vn](http://motcua.tiengiang.gov.vn)).

**c) Phí, lệ phí:** Không.

**d) Căn cứ pháp lý**

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản.